qiāo mén

敲门

verb · to knock on a door

Example Sentences

shuí zài qiāo mén
谁 在 敲 门 ？

Who is knocking at the door?

qǐng xiān qiāo mén zài jìn rù fáng jiān
请 先 敲 门 再进入 房 间 。

Please knock on the door before entering the room

bà bà yòng quán tou qiāo le qiāo mén
爸爸 用 拳 头 敲 了 敲 门 。

Dad knocked on the door with his fist.

Trace each character, then write the word on your own.

敲 敲 敲 敲 敲 敲 敲 敲 敲 敲 敲

敲 敲 敲 敲 敲 敲

门 门 门 门 门 门